

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/5/2024		●	
Tuần 13/5-17/5/2024		●	
Tháng 05/2024		●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index quay đầu giảm điểm khi chạm ngưỡng kháng cự 1,250 ngay đầu phiên sáng. Chỉ số sau đó giằng co quanh ngưỡng 1,240 trước khi đóng cửa tại mốc 1,240.18 điểm, giảm hơn 4 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Bán lẻ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường hiện tại vẫn đang giằng co tại vùng kháng cự 1,250 – 1,260 – nơi đã từng bị bán tháo rất mạnh. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới khi xu hướng chưa rõ ràng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2412.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 13/05/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-4.52** điểm, đóng cửa tại **1240.18** điểm. HNX-Index **+0.68** điểm, đóng cửa tại **236.36** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+0.59)**, **GVR (+0.18)**, **VJC (+0.26)**, **HVN (+0.17)**, **HAG (+0.13)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.35)**, **CTG (-0.71)**, **BID (-0.62)**, **FPT (-0.4)**, **VNM (-0.35)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,710** tỷ đồng, tăng **0.58%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 17,175 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.64 điểm. Thị trường có **203** mã tăng, 72 mã tham chiếu, **233** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-853.26** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (-125.06 tỷ)**, **CTG (-108.28 tỷ)**, **VPB (-73.96 tỷ)**, **STB (-55.87 tỷ)**, **HDB (-47.41 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-80.00** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.47%**. Các mã diễn biến tích cực: **HSG (+1.69%)**, **VPB (+1.62%)**, **KDH (+0.83%)**.
- BSC50 **-0.35%**. Các mã diễn biến tích cực: **GEX (+1.84%)**, **DBC (+1.63%)**, **REE (+1.52%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.48%	-0.35%	-0.36%	-0.39%
1 tuần	0.71%	0.95%	0.25%	0.22%
1 tháng	3.22%	3.95%	2.65%	2.75%
3 tháng	2.19%	-3.03%	-1.26%	0.02%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,240.18	236.36	91.48
% 1D	-0.36%	0.29%	-0.26%
GTGD (tỷ VND)	14,710	1,560	764
%1D	0.58%	-10.75%	5.33%
GDNN (tỷ VND)	-853.26	-80.00	-93.52

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	123.28	VHM	-125.06
BAF	51.91	CTG	-108.28
HVN	20.89	VPB	-73.96
NKG	19.96	STB	-55.87
HAG	15.84	HDB	-47.41

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,223	0.16%	1.85%
FTSE100	8,438	0.04%	2.73%
Eurostoxx	5,077	-0.22%	2.34%
Shanghai	3,148	-0.21%	0.23%
Nikkei	38,166	-0.24%	-0.18%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	82.66	-0.16%
Giá vàng	2,357	-0.44%

Tỷ giá

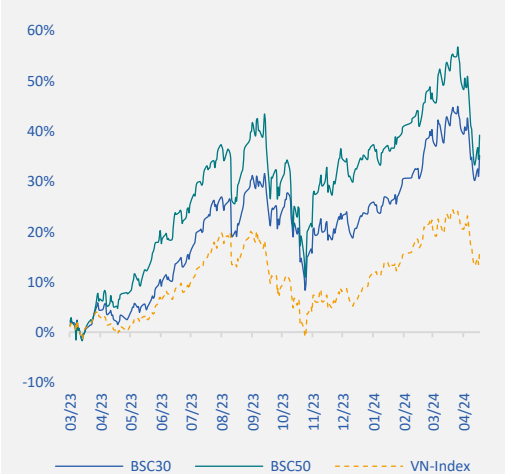
		%
USD/VND	25,479	-0.02%
EUR/VND	28,166	-0.14%
JPY/VND	167	0.00%

Lãi suất

		%
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.06%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



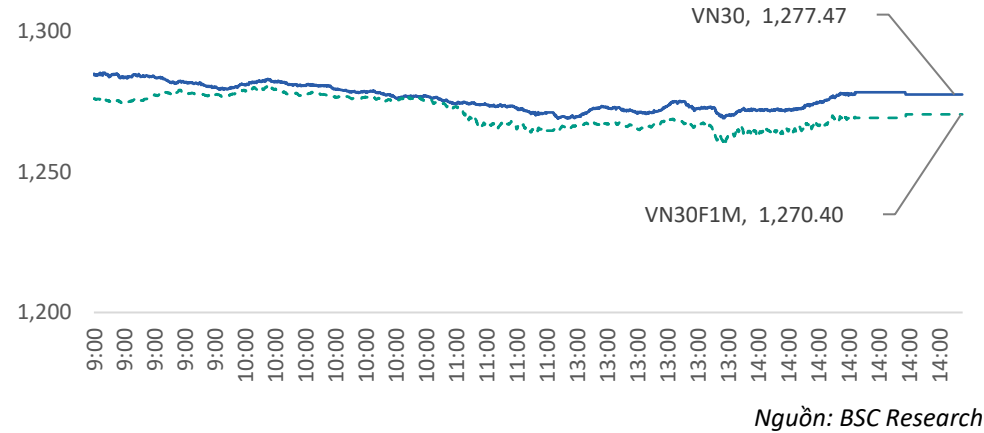
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1268.5	-0.40%	135	29.81%	9/19/2024	129
VN30F2412	1271	0.02%	34	-48.5%	12/19/2024	220
VN30F2405	1266	-0.35%	198589	-32.12%	5/16/2024	3
VN30F2406	1266.8	-0.37%	8111	147.74%	6/20/2024	38

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -4.94 điểm, đóng cửa tại 1272.53 điểm. Biên độ dao động 15.31 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HDB, HPG, MWG, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên trong sắc đỏ với thanh khoản thị trường tiếp tục nằm dưới đường MA20 cho thấy tâm lý thận trọng bao trùm thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2412, Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2405, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2412, VN30F2405,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2313	8/5/2024	84	43,100	36.54%	29.50	220	37.5%	0.03	30.38	22.25	22.25
CVRE2303	5/24/2024	11	141,400	12.90%	25.00	40	33.3%	0.01	25.12	22.25	22.25
CVHM2316	7/5/2024	53	34,600	29.76%	51.23	100	25.0%	0.01	52.03	40.10	40.10
CVNM2306	6/26/2024	44	50,100	13.02%	71.71	280	7.7%	0.05	74.36	65.80	65.80
CVHM2318	1/6/2025	238	2,600	45.53%	53.46	980	4.3%	0.19	58.36	40.10	40.10
CSTB2316	6/26/2024	44	296,600	34.25%	36.33	50	0.0%	0.01	36.58	27.25	27.25
CVRE2308	6/26/2024	44	500	45.32%	31.33	200	0.0%	0.00	32.33	22.25	22.25
CVHM2311	8/5/2024	84	92,000	52.49%	60.50	130	0.0%	0.00	61.15	40.10	40.10
CSTB2318	5/17/2024	4	784,200	17.58%	32.00	10	0.0%	0.00	32.04	27.25	27.25
CSTB2331	7/5/2024	53	3,900	30.27%	35.00	100	0.0%	0.02	35.50	27.25	27.25
CVNM2310	8/9/2024	88	232,500	22.42%	78.40	220	0.0%	0.03	80.55	65.80	65.80
CVHM2307	6/26/2024	44	69,800	57.07%	62.67	40	0.0%	0.00	62.99	40.10	40.10
CPOW2309	5/17/2024	4	15,300	32.00%	14.50	10	0.0%	0.00	14.52	11.00	11.00
CVNM2314	10/7/2024	147	204,900	34.05%	85.15	390	-9.3%	0.03	88.21	65.80	65.80
CVNM2315	1/6/2025	238	140,000	40.31%	87.11	1,330	-13.6%	0.17	92.32	65.80	65.80
CPOW2306	6/26/2024	44	89,700	46.54%	16.00	60	-14.3%	0.00	16.12	11.00	11.00
CVIC2306	6/26/2024	44	32,200	40.05%	62.22	100	-23.1%	0.00	63.02	45.00	45.00
CNVL2305	6/26/2024	44	56,800	30.32%	17.00	230	-48.9%	0.01	17.92	13.75	13.75
CSTB2336	5/21/2024	8	48,100	13.94%	31.00	10	-50.0%	0.00	31.05	27.25	27.25
CVHM2302	5/24/2024	11	81,900	24.99%	50.00	30	-66.7%	0.00	50.12	40.10	40.10

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 13/05/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2313 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 37.50%. CHPG2331 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.96%.
- CVHM2307, CVHM2311, CVRE2320, CPOW2306, và CVRE2319 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CTCB2401, CTCB2302, CMWG2305, CFPT2310, và CTCB2312 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VPB	18.80	1.62%	1.38
VJC	118.80	1.63%	0.55
SSI	35.60	0.42%	0.15
SHB	11.65	0.43%	0.15
MBB	22.65	0.22%	0.14

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	129.70	-0.99%	-1.32
HDB	23.25	-1.90%	-0.91
HPG	30.20	-0.82%	-0.75
MWG	58.30	-1.02%	-0.66
STB	27.25	-1.27%	-0.62

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	18.50	1.62%	0.59	21.34
GVR	25.20	3.92%	0.18	3.37
VJC	116.90	1.63%	0.26	1.05
HVN	20.30	1.48%	0.17	5.09
HAG	13.20	3.79%	0.13	21.28

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	11.20	7.14%	2.27	0.02
DHT	30.00	8.33%	0.86	0.40
HUT	17.20	1.16%	0.70	2.11
MBS	28.60	1.40%	0.69	5.22
S99	11.60	9.48%	0.44	0.77

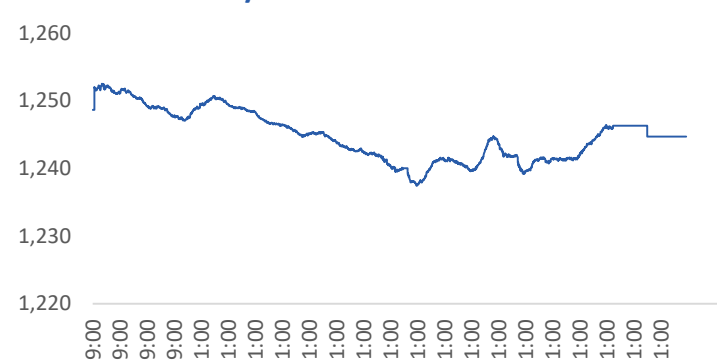
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVH	5.43	7.00%	0.00	0.71
BAF	27.90	6.99%	0.07	13.75
VOS	12.90	6.98%	0.03	8.49
ST8	8.90	6.97%	0.00	1.25
SAM	6.62	6.95%	0.05	3.55

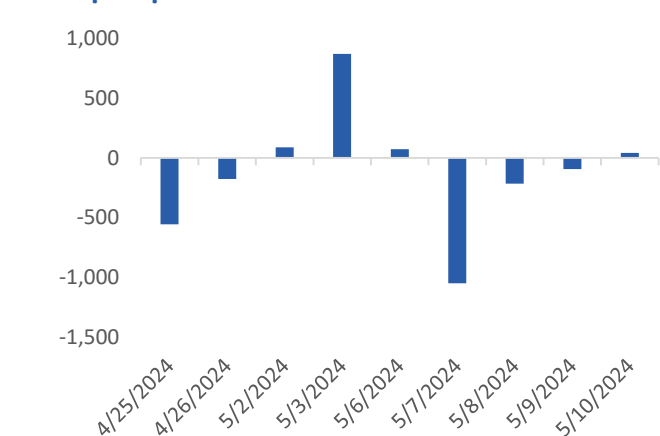
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MCO	22.00	10.00%	0.04	0.13
BCF	29.20	9.93%	0.40	0.01
VMS	26.30	9.89%	0.10	0.16
DPC	6.10	9.84%	0.01	0.00
IDJ	5.10	9.80%	0.37	1.89

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	92.00	-1.09%	-1.35	1.32
CTG	32.85	-1.67%	-0.71	7.05
BID	49.05	-0.92%	-0.62	1.66
FPT	131.00	-0.99%	-0.40	4.36
VNM	66.50	-1.05%	-0.35	2.88

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCS	69.40	-3.31%	-1.38	0.28
KSV	29.10	-2.06%	-0.45	0.01
BAB	12.30	-0.81%	-0.34	0.00
BVS	40.00	-2.50%	-0.27	1.17
NVB	9.40	-1.06%	-0.21	0.09

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TNA	5.63	-6.93%	0.00	0.64
CLW	45.50	-6.92%	-0.01	0.00
QCG	16.35	-6.73%	-0.07	1.98
SRF	9.66	-6.21%	0.00	0.02
TDW	50.20	-5.98%	-0.01	0.00

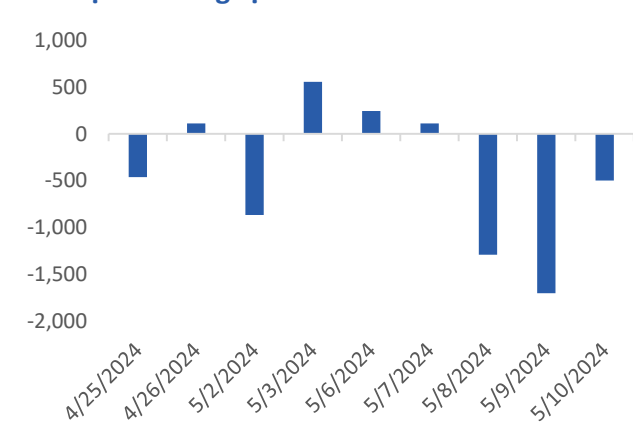
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
L43	2.00	-10.00%	0.00	0.00
ARM	34.90	-9.74%	-0.04	0.00
CET	8.30	-9.64%	-0.02	0.01
CAG	12.60	-9.52%	-0.06	0.09
VNC	42.60	-7.75%	-0.12	0.01

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	91.0	-1.10%	0.6	19,992	4.4	5,838	15.6	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	48.6	-0.90%	1.0	10,890	3.2	3,841	12.7	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	1.60%	1.0	5,863	12.4	1,397	13.5	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	48.4	-0.20%	1.1	6,702	11.4	5,600	8.6	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.6	0.20%	1.0	4,707	12.5	3,818	5.9	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	27.2	-1.30%	1.0	2,019	8.4	4,206	6.5	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	32.3	-1.70%	1.2	6,818	8.9	3,751	8.6	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	27.7	0.00%	0.8	4,229	6.0	4,072	6.8	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	35.6	0.40%	1.3	2,112	14.4	1,704	20.9	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	62.1	0.00%	1.2	806	7.0	5,880	10.6	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	30.2	-0.80%	1.2	6,903	15.6	1,601	18.9	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	21.0	1.70%	1.6	508	9.1	1,423	14.8	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	40.1	-0.60%	1.0	6,864	14.3	5,074	7.9	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	36.3	0.80%	1.4	1,140	6.2	726	50.0	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	41.6	0.50%	1.5	628	2.5	1,040	40.0	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	122.6	-1.00%	1.6	1,830	16.3	7,845	15.6	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	34.3	-0.70%	1.3	714	3.1	2,313	14.8	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	75.2	-0.40%	0.6	6,789	1.9	4,688	16.0	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	44.1	0.50%	0.9	829	12.3	1,992	22.1	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	32.1	-0.20%	1.2	701	5.1	1,200	26.7	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.0	0.50%	0.7	1,013	1.3	350	31.5	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	74.7	-3.00%	1.2	659	5.8	4,914	15.2	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	82.1	-1.80%	0.9	1,002	8.1	8,430	9.7	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	65.8	-1.10%	0.6	5,406	7.1	4,408	14.9	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	70.8	0.00%	1.3	4,190	7.2	215	328.8	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	58.3	-1.00%	1.5	3,351	16.6	717	81.3	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.2	-0.30%	1.0	1,278	2.2	5,860	16.6	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	59.6	-1.30%	1.9	391	3.8	2,200	27.1	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	129.7	-1.00%	0.9	6,475	9.4	5,335	24.3	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	126.1	-2.10%	1.1	567	1.9	4,582	27.5	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.2	-1.90%	0.9	2,662	6.0	3,809	6.1	1.4	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.4	-0.90%	1.2	2,129	3.1	3,315	6.4	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.0	-0.60%	1.3	1,558	4.1	2,050	8.8	1.2	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.0	-1.10%	1.2	1,097	1.4	2,310	6.0	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	17.7	0.30%	1.1	1,211	2.2	1,147	15.4	1.3	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	28.3	-0.70%	1.6	783	7.3	1,175	24.1	2.3	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.9	0.30%	1.8	824	7.4	1,409	34.0	2.6	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.8	0.00%	1.6	996	4.9	2,057	10.1	1.5	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	48.6	-0.90%	1.0	10,890	3.2	3,841	12.7	2.2	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	19.0	0.00%	1.7	607	8.3	1,076	17.7	1.4	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.8	0.00%	1.5	88	1.0	655	18.1	0.9	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	17.4	1.20%	1.5	610	1.4	73	238.1	1.4	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	67.0	-1.80%	1.2	263	2.0	2,709	24.7	0.8	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.8	-0.40%	1.5	206	1.7	833	15.3	0.5	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.8	0.00%	1.4	-	0.2	433	22.6	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	28.5	-0.30%	1.9	683	15.5	(38)	-742.4	2.2	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	18.5	0.50%	1.3	374	3.2	312	59.3	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	30.0	0.30%	1.6	905	4.9	1,262	23.8	1.1	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	53.4	0.40%	1.3	941	1.2	2,746	19.4	2.5	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	41.7	-0.10%	1.2	295	2.1	1,514	27.5	2.5	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	86.1	-1.00%	1.3	615	0.4	5,701	15.1	3.7	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	58.5	-1.50%	1.1	312	0.5	3,448	17.0	2.0	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	32.0	1.10%	1.5	5,031	4.2	628	51.0	2.3	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	24.0	0.40%	1.7	248	6.9	1,222	19.6	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	117.4	1.20%	1.0	378	0.8	11,594	10.1	3.3	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	13.8	-1.80%	1.5	205	1.0	865	16.0	1.2	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	16.8	0.30%	1.9	477	3.6	420	40.1	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	22.2	-1.10%	1.2	1,987	4.0	1,966	11.3	1.3	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	25.5	1.20%	1.9	875	5.3	964	26.4	2.0	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	62.2	-1.30%	1.6	108	1.6	4,370	14.2	1.9	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.2	-2.10%	1.1	121	1.2	3,461	11.0	1.6	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	39.8	-0.60%	1.0	1,990	2.5	2,570	15.5	1.7	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	27.9	-1.10%	1.5	89	0.3	1,112	25.1	1.7	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	18.8	-1.10%	1.1	-	2.7	2,588	7.3	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	32.0	0.30%	0.7	149	0.8	2,286	14.0	2.0	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	27.0	1.50%	1.3	331	2.5	651	41.6	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	27.0	0.70%	1.3	325	1.0	2,061	13.1	1.1	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	22.1	1.80%	1.9	740	14.5	625	35.4	0.9	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	16.8	-2.30%	0.6	-	0.3	1,549	10.8	1.4	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	67.0	1.50%	0.9	1,076	4.0	4,706	14.2	1.3	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	30.4	-0.80%	1.4	159	1.0	(252)	-120.2	1.4	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	69.6	0.10%	0.7	183	0.6	4,765	14.6	1.7	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	29.6	-0.70%	0.9	414	6.7	3,150	9.4	1.0	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	20.8	0.00%	1.5	219	1.5	532	39.2	1.7	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	41.6	-1.70%	1.4	172	9.0	3,081	13.5	1.3	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	79.0	-3.90%	1.3	378	5.3	2,980	26.5	5.9	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	31.2	1.60%	1.7	297	18.9	1,729	18.0	1.6	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	160.8	-2.20%	0.8	861	7.9	(2,548)	-63.1	10.7	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.4	-0.80%	0.7	-	1.7	6,737	7.2	2.0	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	33.4	-1.50%	1.2	514	1.8	1,372	24.4	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	22.5	0.40%	1.1	100	3.1	1,981	11.4	1.4	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
8	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
9	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
11	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website	BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh	BSC Trụ sở chính
http://www.bsc.com.vn	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: +84 8 3821 8885 Fax: +84 8 3821 8510	Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: +84 4 3935 2722 Fax: +84 4 2220 0669
Đối với Phân tích Nghiên cứu	Đối với Khách hàng tổ chức	Đối với Khách hàng cá nhân
Phòng Phân tích Nghiên cứu hn.ptnc@bsc.com.vn (+84) 39352722 - Ext 108	Phòng TVĐT và môi giới KHTC hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn (+84)2439264659	Trung tâm tư vấn i-Center i-center@bsc.com.vn (+84)2437173639